TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/DS-PT
Ngày: 28/3/2023
V/v "Tranh chấp về kiện đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Phương.

- Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Nguyệt Quỳnh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/03/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp về kiện đòi lại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H, sinh năm 1965 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tiến D là nguyên đơn và Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp P là bị đơn của vụ án.

(Ông Nguyễn Tiến D và ông Lê Văn H có mặt tại phiên tòa, bà Đào Thị N vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Từ năm 2011 đến năm 2014, ông D giữ chức vụ giám đốc tại Hợp tác xã Nông nghiệp P nay là Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp P (viết tắt là HTX). Năm 2013, ông có cho HTX mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và vợ ông là bà N đứng tên để thế chấp vay tiền tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T số tiền là 300.000.000đ (trong đó vay cho HTX là 200.000.000đ, vay cho cá nhân ông D là 100.000.000đ). Đến ngày 28/3/2014, ông D đi đáo nợ số tiền gốc là 300.000.000đ, tiền lãi là 32.175.000đ (ông D cho rằng trong đó tiền lãi của 200.000.000đ là 21.450.000đ) nhưng HTX chỉ đưa cho ông D tiền gốc là 200.000.000đ, không đưa tiền lãi. Đồng thời trong thời gian ông D làm giám đốc tại HTX thì HTX còn nợ lại tiền lương của ông D năm 2013 là 45.000.000đ, tiền theo phiếu thu số 07 ngày 29/3/2014 là 37.000.000đ, ông D thừa nhận hai khoản tiền này có giải quyết trong bản án hình sự phúc thẩm số: 256/2016/HSPT ngày 05/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã có hiệu lực pháp luật nhưng ông không đồng ý.

Nay ông D yêu cầu HTX có trách nhiệm trả lại cho ông những khoản sau:

- Tiền lãi của số tiền gốc 200.000.000đ là 21.450.000đ nhưng ông chỉ yêu cầu số tròn là 21.000.000đ.

- Tiền lương năm 2013 HTX còn nợ là 45.000.000đ.

- Tiền theo phiếu thu số 07 ngày 29/3/2014 là 37.000.000đ.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H trình bày:

Từ năm 2011 đến năm 2014, ông D làm giám đốc tại Hợp tác xã Nông nghiệp P nay là Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp P (viết tắt là HTX), lúc này ông H chỉ là thành viên của HTX nên việc thu, chi tiền thế nào là do ông D quyết định. Trong cuộc họp của HTX, ông D có nêu vấn đề cho HTX mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D để vay tiền tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, còn việc có vay hay không, vay thế nào, số tiền bao nhiêu là ông D quyết định, ông không biết. Theo chứng từ giao dịch ngày 28/3/2014 phía Ngân hàng cung cấp trong đó tiền vay gốc của HTX là 300.000.000đ, tiền lãi là 32.175.000đ thì ông thống nhất tiền lãi của số tiền 200.000.000đ là 21.450.000đ nhưng ông không đồng ý trả vì HTX không còn thiếu ông D, tuy ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh HTX đã trả số tiền lãi 21.450.000đ cho ông D, nhưng từ ngày 22/5/2014 ông D đã ngưng không làm tại HTX. Khi Đoàn thanh tra của huyện vào làm việc kiểm tra từng hóa đơn, biên lai rất nhiều lần nhưng ông D không hề nêu ra khoản tiền này, đồng thời trong quá trình điều tra và các phiên tòa xét xử ông D về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" của HTX thì ông D cũng không nêu khoản tiền này ra để Hội đồng xét xử xem xét cấn trừ vào số tiền ông đã chiếm đoạt của HTX. Điều này chứng tỏ HTX không có nợ. Đối với khoản tiền lương năm 2013 ông D yêu cầu là 45.000.000đ và tiền theo phiếu thu số 07 ngày 29/3/2014 là 37.000.000đ đã được giải quyết tại bản án hình sự phúc thẩm số: 256/2016/HSPT ngày 05/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã có hiệu lực pháp luật nên ông không đồng ý trả cho ông D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị N có đơn xin vắng mặt có ý kiến: Bà N biết việc ông D cho HTX mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông D và bà N đứng tên để vay số tiền 200.000.000đ cho HTX. Ông D đã đi đáo nợ tại Ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Nay ông D yêu cầu HTX trả lại cho ông D số tiền lãi của 200.000.000đ là 21.000.000đ thì bà thống nhất để một mình ông D khởi kiện và không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 55/2022/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến D đối với Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp P.

Buộc Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp P có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tiến D số tiền còn thiếu là 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Tiến D về việc yêu cầu Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp P trả tiền lương năm 2013 cho ông Nguyễn Tiến D là 45.000.000đ, tiền theo phiếu thu số 07 ngày 29/3/2014 là 37.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp P phải nộp 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Tiến D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/10/2022, HTX Dịch vụ Nông nghiệp P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng HTX Dịch vụ Nông nghiệp P chỉ trả cho ông D 6.534.000đ. Ngày 25/10/2022, ông Nguyễn Tiến D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc HTX Dịch vụ Nông nghiệp P trả cho ông tiền lương năm 2013 còn lại là 45.000.000đ và số tiền đã nộp theo phiếu thu số 07 ngày 29/3/2014 là 37.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 55/2022/DS-ST ngày 14/10/2022 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông do xét thấy các yêu cầu của đương sự có phát sinh tài liệu chứng cứ mới ở cấp phúc thẩm làm thay đổi nội dung của vụ án, cho nên cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D giữ nguyên kháng cáo đối với phần đình chỉ xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là yêu cầu HTX Dịch vụ Nông nghiệp P trả số tiền lương năm 2013 còn lại là 45.000.000đ và số tiền đã nộp theo phiếu thu số 07 ngày 29/3/2014 là 37.000.000đ.

HTX Dịch vụ Nông nghiệp P thay đổi một phần kháng cáo là chỉ đồng ý trả cho ông D 06 tháng tiền lãi của số tiền vay 200.000.000đ là 12.000.000đ, đồng thời HTX cho rằng không còn nợ tiền lương của ông D, không nợ số tiền 37.000.000đ theo phiếu thu số 07 ngày 29/3/2014 và đã cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ mới gồm: Danh sách thu tiền vay năm 2013-2014 của HTX Nông nghiệp P trong đó có thể hiện ngày trả số nợ gốc 200.000.000đ; Bảng kê thanh toán tiền lương năm 2013 của HTX; Biên bản đối chất ngày 03/03/2016 của Công an huyện T giữa Nguyễn Tiến D, Đào Ngọc T, Đặng Văn T1, Lê Văn H, Nguyễn Thị H1; Biên bản ghi lời khai ngày 28/11/2014 của Công an huyện T đối với Nguyễn Tiến D cũng như các tài liệu, chứng cứ mà ông D cung cấp là 03 phiếu tạm ứng tiền lương năm 2013 các ngày 23/9/2013, 09/2/2014, 17/8/2014.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tiến D và Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Phần tiền phiếu thu số 07 ngày 29/3/2014 là 37.000.000đ: Tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án hình sự ngày 05/8/2016, ông D là bị cáo của vụ án "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" có khai nại số tiền 37.000.000đ theo phiếu thu số 07 ngày 29/3/2014 chưa trừ vào tiền bị cáo chiếm đoạt. Bản án hình sự số 256/2016/HSPT đã bác yêu cầu này của ông D.

[2.2] Đối với số tiền lương còn lại năm 2013: Theo bảng kê thanh toán tiền lương năm 2013 của HTX ngày 30/9/2014 thì tiền lương của ông D năm 2013 là 57.172.000đ. Bản án HSPT số 256 ngày 05/8/2016 có ghi nhận tại trang 10 như sau: *"...Như vậy bị cáo D đã chiếm đoạt tiền HTX các khoản trên tổng cộng là 274.802.889đ gồm (14.000.000đ + 14.000.000đ + 153.784.000đ +*

80.000.000đ + 13.018.889đ) nhưng trừ vào tiền lương năm 2013 là 12.172.000đ, tiền lương năm 2014 là 43.000.000đ, bị cáo bị truy tố chiếm đoạt số tiền là 219.627.889đ". Như vậy một phần tiền lương năm 2013 được trừ vào phần chiếm đoạt tài sản, làm giảm số tiền chiếm đoạt của ông D.

Đối với phần tiền lương còn lại là 45.000.000đ (57.172.000đ-12.172.000đ), bản án hình sự không đề cập đến, tức là không liên quan đến số tiền chiếm đoạt hay khắc phục hậu quả. Ông D có cung cấp chứng cứ là 03 phiếu tạm ứng lương năm 2013 nhưng ông cho rằng HTX giả mạo chữ ký của ông. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải thu thập chứng cứ làm rõ sự việc để chấp nhận hay bác yêu cầu của đương sự nhưng cấp sơ thẩm lại đình chỉ là không đúng với quy định.

[2.3] Đối với phần tiền lãi của 200.000.000đ là 21.000.000đ:

Tại phiên tòa phúc thẩm, HTX cho rằng chỉ còn nợ ông D 06 tháng tiền lãi và cung cấp thêm chứng cứ mới về thời gian đã trả cho ông D số tiền gốc 200.000.000đ. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ hay tự mình thu thập tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án hình sự đã được xét xử năm 2016 theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng cấp sơ thẩm đã không làm rõ tình tiết vụ việc mà tuyên chấp nhận yêu cầu này là chưa đủ căn cứ và làm mất quyền kháng cáo của đương sự.

[3] Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các yêu cầu trên của đương sự có phát sinh tài liệu, chứng cứ mới ở cấp phúc thẩm làm thay đổi nội dung của vụ án cho nên cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, do đó hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Ông Nguyễn Tiến D và Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm

- Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tiến D được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0013084 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, TDS (Nhi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Thị Trúc Phương